

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 29/6/2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lưu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Trang

2. Bà Trần Thị Bích Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 102/2020/TLST - HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lưu Thị L, sinh năm 1961 (Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm VK, xã VL, huyện ĐH, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1959 (Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn X, xã ER, huyện ES, tỉnh ĐK.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Lưu Thị L trình bày N sau:

Bà và ông Hoàng Văn B kết hôn năm 1985, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm VK, xã VL, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, tới năm 1994 ông B bỏ đi làm ăn, thi thoảng có về thăm quê Nng không về nhà chung sống với vợ con nữa. Vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay.

Bà xác định đến hiện nay cuộc hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nên tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung, con lớn là Hoàng Thị N, sinh ngày 10/12/1986 hiện đã thành niên và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; con thứ hai là Hoàng Văn Tr, sinh ngày 18/11/1988 (đã chết); con thứ ba là Hoàng Thị Ch, sinh ngày 21/11/1990 hiện đã thành niên và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2]. Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 27/5/2020 ông Hoàng Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng sống ly thân nhiều năm, không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với bà Lưu Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị N, sinh năm 1986, Hoàng Văn Tr, sinh năm 1988 (đã chết) và Hoàng Thị Ch, sinh ngày 21/11/1990. Hiện con chung đã thành niên và lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không tranh chấp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn bà Lưu Thị L, trú tại: xã VL, huyện ĐH, tỉnh TN với bị đơn ông Hoàng Văn B, trú tại: xã ER, huyện ES, tỉnh ĐK. Trong quá trình giải quyết nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ giải quyết. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 B luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Văn B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa hôm

nay, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 B luật tố tụng dân sự, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Bà Lưu Thị L và ông Hoàng Văn B kết hôn với nhau vào năm 1985, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện DH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn bà L, ông B chung sống tại xóm xóm VK, xã VL, huyện DH, tỉnh TN. Quá trình chung sống tới năm 1994 ông Hoàng Văn B bỏ quê đi làm ăn ở địa phương khác, thi thoảng có về thăm quê nhưng không về chung sống với bà L và con cái, vợ chồng sống ly thân từ năm 1994 cho đến nay. Hiện tại, cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông B nhất trí ly hôn với bà L.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa bà L và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà là có cơ sở chấp nhận, cho bà được ly hôn với ông B là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị N, sinh ngày 10/12/1986, Hoàng Văn Tr, sinh ngày 18/11/1988 (đã chết) và Hoàng Thị Ch, sinh ngày 21/11/1990. Các bên đương sự đều xác định hai con chung là Hoàng Thị N và Hoàng Thị Ch hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại hai con chung của đương sự đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự xác định không có tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 B luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Lưu Thị L thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn B án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 B luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của bà Lưu Thị L, cho bà Lưu Thị L được ly hôn với ông Hoàng Văn B.

2. Về con chung: Bà Lưu Thị L và ông Hoàng Văn B có 03 con chung là Hoàng Thị N, sinh ngày 10/12/1986; Hoàng Văn Tr, sinh ngày 18/11/1988 (đã chết) và Hoàng Thị Ch, sinh ngày 21/11/1990.

Hiện chị Hoàng Thị N và chị Hoàng Thị Ch đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có và không có yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Bà Lưu Thị L là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn B án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn (bà L), bị đơn (ông B). Báo cho nguyên đơn (bà L), bị đơn (ông B) biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã VL, huyện DH;
- Lưu: HS, B phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Lưu Thắng